

THỰC TRẠNG HÀNH VI SỬ DỤNG RƯỢU BIA CỦA SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG: MỘT SỐ GỢI Ý CHO THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

Phạm Tiến Nam

Trường Đại học Y tế Công cộng

Tóm tắt. Hành vi sử dụng rượu bia của sinh viên là một trong những vấn đề đáng lo ngại hiện nay. Nghiên cứu này nhằm mô tả thực trạng hành vi sử dụng rượu bia của sinh viên trường Đại học Y tế công cộng và đưa ra một số gợi ý cho thực hành công tác xã hội trong việc giải quyết vấn đề sử dụng rượu bia của sinh viên hiện nay. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát trên 874 sinh viên đang theo học cử nhân chính quy tại trường Đại học Y tế công cộng, trong đó tỉ lệ uống rượu bia ở nam sinh viên là 39.69% và tỉ lệ này ở nữ sinh viên là 22.36%. Trong mô hình hồi quy đơn biến, các yếu tố về giới tính và bệnh về tim có liên quan đến hành vi sử dụng rượu bia của sinh viên ($p < 0.05$). Nghiên cứu cũng đã đưa ra những gợi ý cho thực hành công tác xã hội như hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức; hoạt động tham vấn tâm lý; và hoạt động kết nối nguồn lực trong việc trợ giúp sinh viên có hành vi sử dụng rượu bia.

Từ khóa: hành vi sử dụng rượu bia, sinh viên, công tác xã hội, Đại học Y tế công cộng.

1. Mở đầu

Hành vi sử dụng rượu bia là một trong những hành vi sức khỏe không lành mạnh. Hiện nay, có đến 5.1% gánh nặng bệnh tật trên toàn thế giới ở những người từ 15 tuổi trở lên là do sử dụng rượu bia [1]. Việc sử dụng rượu bia đã gây ra những hậu quả hết sức nặng nề về sức khỏe như tổn thương trực tiếp về thể chất (bệnh tim mạch, ung thư gan...) hoặc bệnh lý thần kinh (rối loạn lo âu, rối loạn trầm cảm hoặc rối loạn việc sử dụng chất...) [2, 3]. Ngoài ra, theo thống kê có khoảng 5.9% số ca tử vong trên toàn cầu trong năm 2012 là do sử dụng rượu bia và hậu quả của việc tiêu dùng ở mức độ lớn [1]. Sinh viên đại học là một trong những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương khi sử dụng rượu bia so với các nhóm đối tượng khác và có những nguy cơ cao trong tương lai [4, 5]. Do đó, chúng ta cần có các biện pháp can thiệp sớm để ngăn ngừa và giảm thiểu nguy cơ sử dụng rượu bia của sinh viên. Trong số các nghiên cứu sử dụng bảng hỏi sàng lọc rượu bia (AUDIT), tỉ lệ sinh viên báo cáo sử dụng rượu bia ở Ailen và Anh dao động từ 62,8% năm 2003 đến 84% năm 2014 [6]. Qua việc rà soát các tạp chí quốc tế có uy tín, đã có một số nghiên cứu về thực trạng hành vi sử dụng rượu bia của sinh viên; tuy nhiên các nghiên cứu về thực trạng hành vi sử dụng rượu bia của sinh viên để đưa ra những gợi ý cho thực hành công tác xã hội là vẫn còn hạn chế. Sinh viên trường Đại học Y tế công cộng đóng vai trò quan trọng trong việc tham gia công tác phòng ngừa bệnh trong hệ thống y tế sau khi tốt nghiệp. Nếu họ có thói quen sử dụng rượu bia một cách tùy tiện, điều này sẽ cản trở công việc của họ trong việc tư vấn người dân giảm thiểu hành vi sử dụng rượu bia.

Ngày nhận bài: 11/3/2020. Ngày sửa bài: 27/4/2020. Ngày nhận đăng: 10/5/2020.

Tác giả liên hệ: Phạm Tiến Nam. Địa chỉ e-mail: phamtiennam1987@gmail.com

Theo tác giả Bùi Thị Xuân Mai (2010): “Công tác xã hội có thể hiểu là một nghề, một hoạt động chuyên nghiệp nhằm trợ giúp các cá nhân, gia đình và cộng đồng nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu và tăng cường chức năng xã hội, đồng thời thúc đẩy môi trường xã hội về chính sách, nguồn lực và dịch vụ nhằm giúp cá nhân, gia đình và cộng đồng giải quyết và phòng ngừa các vấn đề xã hội góp phần đảm bảo an sinh xã hội” [7]. Công tác xã hội có 04 chức năng chính (phòng ngừa, can thiệp, phục hồi và phát triển): chức năng phòng ngừa sẽ góp phần nâng cao nhận thức cho sinh viên, đặc biệt những sinh viên có nguy cơ về tác hại của việc sử dụng rượu bia, trong khi đó chức năng can thiệp, phục hồi và phát triển nhằm trợ giúp cho sinh viên có hành vi sử dụng rượu bia quá mức dưới góc độ tiếp cận của công tác xã hội. Nhân viên công tác xã hội phối hợp với các bên có liên quan (ví dụ nhân viên y tế) để trợ giúp sinh viên có vấn đề của việc sử dụng rượu bia. Xuất phát từ những lí do trên, mục tiêu nghiên cứu chính của bài báo: mô tả thực trạng hành vi sử dụng rượu bia của sinh viên trường Đại học y tế công cộng và đưa ra gợi ý cho thực hành công tác xã hội trong việc giải quyết vấn đề sử dụng rượu bia của sinh viên hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang, trong đó phương pháp nghiên cứu định lượng được sử dụng để mô tả thực trạng hành vi sử dụng rượu bia của sinh viên, từ đó đưa ra những gợi ý cho thực hành công tác xã hội. Địa điểm nghiên cứu tại Trường Đại học Y tế công cộng và thời gian nghiên cứu từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2018 (thời điểm đầu năm học). Nghiên cứu có sự tham gia của 874 sinh viên cử nhân chính quy tại trường Đại học Y tế công cộng. Chúng tôi áp dụng phương pháp chọn mẫu toàn bộ sinh viên cử nhân chính quy đang theo học tại trường Đại học Y tế công cộng. Tiêu chí loại trừ: Sinh viên đang bảo lưu, nghỉ học, ngừng học trong thời gian nghiên cứu và sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu. Phương pháp thu thập số liệu được tiến hành theo hình thức tự báo cáo qua giấy đối với sinh viên năm thứ 1, 2, 3 và qua hình thức máy tính đối với sinh viên năm thứ 4. Do thời điểm khảo sát, nhiều sinh viên năm thứ 4 không ở trường, các em tham gia hoạt động thực tập ở các cơ sở khác nhau. Về biến số, bao gồm: Biến phụ thuộc (Hành vi sử dụng rượu bia có hay không) và biến độc lập (Giới tính, dân tộc, nhóm tuổi, tình trạng hôn nhân, thể trạng, sinh viên năm thứ, học lực, mắc bệnh mạn tính). Số liệu được làm sạch và nhập vào máy tính bằng phần mềm EPIDATA và phân tích bằng STATA 15. Chúng tôi sử dụng các phép mô tả tần số, tỉ lệ % đối với các biến định tính, giá trị trung bình, độ lệch chuẩn đối với các biến định lượng. Để so sánh tìm sự khác biệt trong 2 nhóm của biến định tính, chúng tôi sử dụng test thống kê khi bình phương khi tần số mong đợi từ 5 trở lên, sử dụng Fisher's exact test khi tần số mong đợi nhỏ hơn 5. Nghiên cứu đảm bảo mọi nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y sinh học. Sự tham gia của các sinh viên là hoàn toàn tự nguyện. Họ có thể rút lui khỏi nghiên cứu vào bất cứ thời điểm nào mà không có bất cứ nguy cơ nào. Khía cạnh đạo đức nghiên cứu được xem xét và thông qua tại Hội đồng Đạo đức nghiên cứu y sinh học của Trường Đại học y tế công cộng theo quyết định Số: 430/2018/YTCC-HD3.

2.1. Đặc điểm nhân khẩu học và tiền sử bệnh của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1 mô tả đặc điểm của đối tượng nghiên cứu trong khảo sát về hành vi sử dụng rượu bia tại trường Đại học Y Tế Công cộng vào đầu năm học 2018-2019. Phần lớn sinh viên tham gia khảo sát là nữ (77.1%), dân tộc Kinh (93.51%), có thể trạng bình thường (BMI từ 18,5-23) (60.09%) và đang độc thân (98.23%). Trong tổng số 847 sinh viên tham gia có 33.65% sinh viên năm 1, 31.52% sinh viên năm 2, 19.48% sinh viên năm 3 và 15.35% sinh viên năm cuối. Tỉ lệ sinh viên có học lực khá, giỏi chiếm 49.59% gần tương đương với tỉ lệ sinh viên có học lực trung bình trở xuống (50.41%).

Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Thông tin chung	Tần số (n=847)	Tỉ lệ (%)
Giới tính		
Nam	194	22.90
Nữ	653	77.10
Dân tộc		
Kinh	792	93.51
Khác	55	6.49
Nhóm tuổi		
19 tuổi	223	26.33
20 tuổi	223	26.33
21 tuổi	154	18.18
22 tuổi	125	14.76
Trên 22 tuổi	122	14.40
Thể trạng		
Gầy (BMI<18,5)	224	26.45
Bình thường (BMI từ 18,5-23)	509	60.09
Béo (BMI>23)	114	13.46
Học lực		
Khá, giỏi	420	49.59
Trung bình trở xuống	427	50.41
Hôn nhân		
Độc thân	832	98.23
Kết hôn	15	1.77
Sinh viên năm thứ		
Năm 1	285	33.65
Năm 2	267	31.52
Năm 3	165	19.48
Năm 4	130	15.35

Bảng 2 mô tả thông tin về mắc bệnh mạn tính của sinh viên trường Đại học Y tế công cộng tham gia nghiên cứu. Trong số 11 bệnh mạn tính được khảo sát, 6 bệnh hiếm gặp ở sinh viên (với tỉ lệ mắc < 5%) gồm bệnh về tâm thần (0.71%), rối loạn trầm cảm (1.65%), bệnh về phổi (2.72%), bệnh hen suyễn (2.83%), bệnh về tim (3.07%), rối loạn lo âu (4.01%). Bệnh dạ dày, bệnh viêm mũi dị ứng, bệnh nhức đầu là 3 bệnh thường gặp nhất ở sinh viên với tỉ lệ mắc lần lượt là 19.13% , 18.77% và 16.53%. Xấp xỉ 6% sinh viên được hỏi báo cáo rằng họ mắc các bệnh về khớp và rối loạn tuần hoàn não.

Bảng 2. Thông tin về mắc bệnh mạn tính của đối tượng nghiên cứu

Tên bệnh	Có n (%)	Không n (%)
Rối loạn trầm cảm	14 (1.65)	833 (98.35)
Rối loạn lo âu	34 (4.01)	813 (95.99)
Bệnh về tâm thần (<i>không bao gồm trầm cảm, lo âu</i>)	06 (0.71)	841 (99.29)
Bệnh về tim	26 (3.07)	821 (96.93)
Bệnh về phổi	23 (2.72)	824 (97.28)
Bệnh hen suyễn	24 (2.83)	823 (97.17)
Bệnh về khớp	46 (5.43)	801 (94.57)
Bệnh về dạ dày	162 (19.13)	685 (80.87)
Bệnh viêm mũi dị ứng	159 (18.77)	688 (81.23)
Bệnh nhức đầu	140 (16.53)	707 (83.47)
Bệnh rối loạn tuần hoàn não	51 (6.02)	796 (93.98)

2.2. Thực trạng hành vi sử dụng rượu bia của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3 cho thấy thực trạng hành vi sử dụng rượu bia của sinh viên trường Đại học y tế công cộng theo đặc điểm nhân khẩu học. Tỷ lệ uống rượu bia ở nam sinh viên là 39.69% cao gấp 1.78 lần tỷ lệ này ở nữ sinh viên (22.36%). Tỷ lệ này thấp hơn so với tỷ lệ sử dụng rượu bia của nhóm nam giới nói chung là 86.8% và nhóm nữ giới nói chung là 31.6% [8]. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn so với một số nghiên cứu ở Châu Âu: Snow & nhóm cộng sự (2003) báo cáo tỷ lệ sử dụng rượu bia của sinh viên nam là 69.2% và sinh viên nữ là 62.8% [9]. Trong khi đó Faulkner et & nhóm cộng sự (2006) đã chọn sinh viên sống tại ký túc xá trong một trường đại học ở Nam Wales để khảo sát. Kết quả nghiên cứu này cho thấy 85% nam giới và 73% nữ giới báo cáo đã sử dụng rượu bia [10]. Sự chênh lệch tỷ lệ này là do ảnh hưởng của yếu tố văn hóa: Ở phương Tây, sinh viên có sự đa dạng trong việc sử dụng loại rượu bia; ngoài ra sinh viên phương Tây có văn hóa đến quán bar vào cuối tuần để giải trí và giao lưu. Trường Đại học Y tế công cộng là một trong những trường đào tạo đầu ngành về y tế công cộng tại Việt Nam, sinh viên được tiếp cận các kiến thức về tác hại sử dụng rượu bia trong chương trình đào tạo. Nhà trường luôn đẩy mạnh hoạt động giáo dục truyền thông sức khỏe về phòng ngừa lạm dụng rượu bia qua các hoạt động đoàn thể. Chính phủ cũng đã ban hành một số văn bản pháp luật có tác dụng trong việc thay đổi văn hóa uống rượu bia của người dân Việt Nam. Ví dụ như Nghị định 100 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt trong đó nâng mức xử phạt đối với người vi phạm, đặc biệt là vi phạm về tốc độ và nồng độ cồn, có hiệu lực [11]. Do đó, một số sinh viên trong trường đã có nhận thức tốt và điều chỉnh hành vi sử dụng rượu bia một cách phù hợp. Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ sử dụng rượu bia của sinh viên nam cao hơn so với sinh viên nữ (có ý nghĩa thống kê với $p < 0.05$). Kết quả này có sự tương đồng với các nghiên cứu khác trên thế giới [12]. Theo như văn hóa Việt Nam, đàn ông phải biết uống rượu bia, đàn ông mà không biết uống rượu thì bị so sánh như đàn bà. Nữ giới uống rượu bia vẫn được coi là một hành vi không chuẩn mực trong con mắt của người Việt Nam.

Ngoại trừ đặc điểm về giới, tất cả các đặc điểm khác như dân tộc, độ tuổi, tình trạng hôn nhân, thể trạng, học lực đều có $P > 0.05$ và đều không có ý nghĩa thống kê trong nghiên cứu này.

Bảng 3. Thực trạng hành vi sử dụng rượu bia của đối tượng nghiên cứu theo đặc điểm nhân khẩu học

	Không uống (n=624) n (%)	Uống (n=223) n (%)	Tổng	P
Giới				0
Nam	117 (60.31)	77 (39.69)	194 (100)	
Nữ	507 (77.64)	146 (22.36)	653 (100)	
Dân tộc				0.152
Kinh	588 (74.24)	204 (25.76)	792 (100)	
Khác	36 (65.45)	19 (34.55)	55 (100)	
Tuổi				0.190
Trên 22 tuổi	86 (70.49)	36 (29.51)	122 (100)	
22 tuổi	83 (66.40)	42 (33.60)	125 (100)	
21 tuổi	114 (74.03)	40 (25.97)	154 (100)	
20 tuổi	173 (77.58)	50 (22.42)	223 (100)	
19 tuổi	168 (75.34)	55 (22.46)	223 (100)	
Tình trạng hôn nhân				0.770
Độc thân	612 (73.56)	220 (26.44)	832 (100)	
Kết hôn	12 (80.00)	3 (20.00)	15 (100)	
Thể trạng				0.678
Gầy	170 (75.89)	54 (24.11)	224 (100)	
Trung bình	370 (72.69)	139 (27.31)	509 (100)	
Béo	84 (73.68)	30 (26.32)	114 (100)	
Học lực				0.189
Khá, giỏi	301 (71.67)	119 (28.33)	420 (100)	
Trung bình trở xuống	323 (75.64)	104 (24.36)	427 (100)	

Bảng 4 cho thấy thực trạng hành vi sử dụng rượu bia của sinh viên trường Đại học Y tế công cộng theo các bệnh mạn tính. Tỷ lệ sử dụng rượu bia ở sinh viên có tiền sử bệnh tim (46.15%) cao gấp 1.8 lần sinh viên không mắc các bệnh về tim (25.7%) và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($P=0.02<0.05$). Điều này được giải thích có thể một số sinh viên mắc bệnh tim đã sử dụng rượu vang để cải thiện sức khỏe tim mạch. Theo khuyến cáo của Hội tim mạch học Việt Nam: Uống rượu vang đỏ với một lượng vừa phải giúp cải thiện sức khỏe tim mạch do rượu vang đỏ có khả năng: tăng HDL (một loại cholesterol có lợi cho tim mạch do làm giảm xơ vữa động mạch), giảm huyết áp, ngăn cản hình thành huyết khối, ngăn ngừa quá trình xơ vữa động mạch gây ra bởi LDL (loại cholesterol xấu). Một nghiên cứu tại đại học Bordeaux (Pháp) chứng minh rằng, với một lượng rượu vang phù hợp, bạn sẽ giảm được 30% nguy cơ tử vong do mọi nguyên nhân, 35% nguy cơ tử vong do bệnh lý tim mạch, 18 – 24% nguy cơ tử vong do ung thư [13].

Ngoài ra, tất cả các bệnh khác được khảo sát đều có $P>0.05$ và không có ý nghĩa thống kê trong nghiên cứu này.

Bảng 4. Thực trạng hành vi sử dụng rượu bia của đối tượng nghiên cứu theo yếu tố bệnh mạn tính

	Không uống (n=624) n (%)	Uống (n=223) n (%)	Tổng	P
Rối loạn trầm cảm				0.157
Không	616 (73.95)	217 (26.05)	833 (100)	
Có	8 (57.14)	6 (42.86)	14 (100)	
Rối loạn lo âu				0.677
Không	600 (73.80)	213 (26.20)	813 (100)	
Có	24 (70.59)	10 (29.41)	34 (100)	
Bệnh về tâm thần (không bao gồm trầm cảm, lo âu)				0.502
Không	619 (73.60)	222 (26.40)	841 (100)	
Có	5 (83.33)	1 (16.67)	6 (100)	
Bệnh về tim				0.020
Không	610 (74.30)	211 (25.70)	821 (100)	
Có	14 (53.85)	12 (46.15)	26 (100)	
Bệnh về phổi				0.472
Không	605 (73.42)	219 (26.58)	824 (100)	
Có	19 (82.61)	4 (17.39)	23 (100)	
Bệnh hen suyễn				0.749
Không	607 (73.75)	216 (26.25)	823 (100)	
Có	17 (70.83)	7 (29.17)	24 (100)	
Bệnh về khớp				0.320
Không	593 (74.03)	208 (25.97)	801 (100)	
Có	31 (67.39)	15 (32.61)	46 (100)	
Bệnh về dạ dày				0.208
Không	511 (74.60)	174 (25.40)	685 (100)	
Có	113 (69.75)	49 (30.25)	162 (100)	
Bệnh viêm mũi dị ứng				0.820
Không	508 (73.84)	180 (26.16)	688 (100)	
Có	116 (72.96)	43 (27.04)	159 (100)	
Bệnh nhức đầu				0.134
Không	528 (74.68)	179 (25.32)	707 (100)	
Có	96 (68.57)	44 (31.43)	140 (100)	
Bệnh rối loạn tuần hoàn não				0.640
Không	585 (73.49)	211 (26.51)	796 (100)	
Có	39 (76.47)	12 (23.53)	51 (100)	

2.3. Gợi ý cho thực hành công tác xã hội

Công tác xã hội có vai trò quan trọng trong việc trợ giúp sinh viên có nguy cơ hoặc có hành vi sử dụng rượu bia, đặc biệt những sinh viên có biểu hiện sử dụng rượu bia quá mức. Đây là một trong những khía cạnh của công tác xã hội trong trường học. Dưới đây là một số hoạt động

công tác xã hội có thể trợ giúp sinh viên trong việc phối kết hợp các bên có liên quan đến vấn đề sử dụng rượu bia.

Hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức: Đây là hoạt động nhân viên công tác xã hội phối hợp với nhân viên y tế trong trường học để giáo dục sức khỏe cho sinh viên về rượu bia, tác hại và lợi ích của uống rượu bia, quy định pháp luật có liên quan... Truyền thông và nâng cao nhận thức được thực hiện qua nhiều kênh truyền thông khác nhau: truyền thông đại chúng (fanpage, website, video, báo, tờ rơi...), truyền thông trực tiếp (tư vấn cá nhân, tư vấn nhóm...). Hoạt động này giúp sinh viên nâng cao nhận thức để có văn hóa uống rượu bia một cách phù hợp theo khuyến cáo của Bộ Y tế và tổ chức Y tế thế giới. Đối với nhóm đối tượng có hành vi sử dụng rượu bia quá mức, nhân viên công tác xã hội cần giúp họ nhận thức sâu sắc về tác hại sử dụng rượu bia, từ đó hướng đến một hành vi sức khỏe lành mạnh.

Hoạt động tham vấn tâm lý: Nhân viên công tác xã hội có thể sử dụng bộ công cụ đã được chuẩn hóa để sàng lọc, đánh giá mức độ sử dụng rượu bia của sinh viên; từ đó có những hoạt động tham vấn tâm lý một cách phù hợp. Tham vấn tâm lý thường được áp dụng đối với những sinh viên sử dụng rượu bia quá mức. Đối với nhóm đối tượng này, nguyên nhân sử dụng rượu bia quá mức có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau: vấn đề thiếu động lực trong học tập (kết quả học tập không được như mong đợi hoặc không thích thú với việc học tập do bị gia đình ép buộc trong học tập...), vấn đề tài chính (chi phí ở thành phố khá đắt đỏ hay học phí của các trường y được cao hơn so với các khối ngành khác...), vấn đề mối quan hệ với bạn cùng lớp, thầy/cô và những người xung quanh, vấn đề căng thẳng, lo âu, trầm cảm. Tất cả những vấn đề này khiến sinh viên sử dụng rượu bia quá mức, một số trường hợp tìm đến rượu bia để giải tỏa những căng thẳng, áp lực và tìm sự cân bằng trong học tập và cuộc sống. Điều này có nguy cơ gây ra những hành vi lệch chuẩn, thiếu kiểm soát cảm xúc bản thân và hệ lụy cho xã hội. Do đó, nhân viên công tác xã hội cần nhận biết nguồn gốc sâu xa của vấn đề tâm lý để có hình thức tham vấn tâm lý phù hợp: có thể tham vấn cá nhân hoặc tham vấn nhóm. Hình thức tham vấn tâm lý cùng cần được thực hiện đa dạng: tham vấn trực tiếp, tham vấn qua hot line, hay tham vấn qua fanpage. Trong trường hợp sinh viên sử dụng rượu bia có vấn đề sức khỏe tâm thần ở mức độ nghiêm trọng (vượt quá khả năng và chuyên môn của nhân viên công tác xã hội), nhân viên công tác xã hội cần chuyển gửi đối tượng tới bác sỹ tâm thần và nhà tâm lý có chuyên môn.

Hoạt động huy động và kết nối nguồn lực: Nguồn lực hay còn gọi là nguồn vốn là hết sức đa dạng (con người, vật chất, tài chính, cơ sở vật chất, xã hội). Nhân viên công tác xã hội cần huy động sự tham gia của các bên có liên quan trong Nhà trường vào hoạt động này, đặc biệt sự tham gia của sinh viên. Bởi lẽ, đây là đối tượng đích nhân viên công tác xã hội cần hướng đến để trợ giúp họ theo chức năng của công tác xã hội (phòng ngừa, can thiệp, phục hồi và phát triển). Nhân viên công tác xã hội cần vận động Ban giám hiệu Nhà trường để thấy được vai trò quan trọng của việc phòng ngừa cũng như hỗ trợ sinh viên có biểu hiện sử dụng rượu bia quá mức xuất phát từ những vấn đề về học tập, tài chính hay vấn đề sức khỏe tâm thần. Nếu nhận được sự đồng ý về chủ trương của Ban giám hiệu Nhà trường, nhân viên công tác xã hội sẽ rất dễ dàng trong việc đề xuất về kinh phí và cơ sở vật chất để tổ chức các hoạt động trợ giúp sinh viên liên quan đến vấn đề sử dụng rượu bia. Nguồn vốn xã hội chính là con người và mạng lưới; do đó, nhân viên công tác xã hội có thể phối kết hợp với đoàn thanh niên để thành lập câu lạc bộ phòng chống rượu bia và thuốc lá. Ngoài ra, nhân viên công tác xã hội cần kết nối với các cơ quan, tổ chức ở ngoài trường để giúp sinh viên có cơ hội tham gia các hoạt động về phòng chống tác hại sử dụng rượu bia.

Trong bối cảnh tại Việt Nam hiện nay, công tác xã hội chưa được quan tâm và triển khai tại các trường Cao đẳng/đại học trong việc trợ giúp sinh viên. Các trường cao đẳng/đại học đang hướng tới việc tinh giảm bộ máy, nhân sự và tự chủ về tài chính. Việc tuyển dụng một nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp cũng là một thách thức đối với các trường cao đẳng/đại học.

Điều đó còn phụ thuộc vào cơ chế hoạt động và sự linh hoạt của mỗi trường. Có thể thay thế việc tuyển dụng toàn thời gian một nhân viên công tác xã hội, các trường cao đẳng/đại học có thể ký hợp đồng bán thời gian với nhân viên công tác xã hội hoặc nâng cao năng lực về công tác xã hội cho nhân viên y tế hoặc cán bộ Phòng công tác sinh viên.

Bên cạnh những điểm mạnh, nghiên cứu này còn có những hạn chế như sau: (1) Nghiên cứu chưa làm rõ được nhu cầu của sinh viên về các hoạt động công tác xã hội liên quan đến vấn đề sử dụng rượu bia; (2) Nghiên cứu chưa chỉ rõ được sinh viên uống loại rượu bia nào và mức độ uống ra sao; (3) Nghiên cứu chưa đánh giá được hiệu quả của một phương pháp can thiệp công tác xã hội cụ thể. Chúng tôi hi vọng các nghiên cứu tiếp theo sẽ khắc phục hạn chế nghiên cứu của chúng tôi.

3. Kết luận

Tỉ lệ sử dụng rượu bia của sinh viên trường Đại học Y tế công cộng thấp hơn so với tỉ lệ sinh viên của các nước Phương Tây và thấp hơn so với tỉ lệ nam giới và nữ giới nói chung ở Việt Nam. Nghiên cứu đã tìm thấy mối liên quan giữa giới tính và bệnh về tim với hành vi sử dụng rượu bia của sinh viên ($p < 0.05$) qua mô hình hồi quy đơn biến. Nghiên cứu cũng đã gợi ý các hoạt động của công tác xã hội với hành vi sử dụng rượu bia của sinh viên: hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức; hoạt động tham vấn tâm lý; và hoạt động huy động, kết nối nguồn lực. Do đó, trong việc triển khai các hoạt động công tác xã hội, nhân viên công tác xã hội cần lưu ý tới các yếu tố liên quan về giới tính và bệnh tim mạch để hoạt động can thiệp của công tác xã hội được hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] World Health Organization, 2014. *Global status report on alcohol and health—2014*. Geneva, Switzerland: World Health Organization; Google Scholar, 2015.
- [2] Dawson, D.A., et al., 2005. Psychopathology associated with drinking and alcohol use disorders in the college and general adult populations. *Drug and alcohol dependence*. 77(2): p. 139-150.
- [3] Perkins, H.W. and A.D. Berkowitz, 1986. Perceiving the community norms of alcohol use among students: Some research implications for campus alcohol education programming. *International journal of the Addictions*. 21(9-10): p. 961-976.
- [4] Goldman, M., E. Malloy, and R. Kington, 2002. *A call to action: Changing the culture of drinking at US colleges*. NIH Publication. 2(5): p. 10-11.
- [5] Pedrelli, P., et al., 2015. College students: mental health problems and treatment considerations. *Academic Psychiatry*. 39(5): p. 503-511.
- [6] Davoren, M.P., et al., 2016. Alcohol consumption among university students in Ireland and the United Kingdom from 2002 to 2014: a systematic review. *BMC public health*. 16(1): p. 173.
- [7] Bùi Thị Xuân Mai, 2010. *Nhập môn Công tác xã hội*. Hà Nội. Nxb Lao động - Xã hội.
- [8] Lưu Bích Ngọc, Nguyễn Thị Thiêng, 2018. *Tiêu dùng rượu bia ở Việt Nam: Một số kết quả điều tra quốc gia*. Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.
- [9] Snow, P., et al., 2003. “As long as it doesn't spill over into class”: harms arising from students' alcohol use, and the role of policy in reducing them. *International Journal of Drug Policy*. 14(1): p. 5-16.

- [10] Faulkner, S., et al., 2006. A preliminary study of the attitudes, triggers and consequences of hazardous drinking in university students. *Health Education Journal*. 65(2): p. 159-169.
- [11] Chính Phủ, 2019. *Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt* [cited 2020 8/3]; Available from: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-100-2019-ND-CP-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-giao-thong-duong-bo-va-duong-sat-426369.aspx>.
- [12] Gunby, C., et al., 2012. *Gender differences in alcohol-related non-consensual sex; cross-sectional analysis of a student population*. *BMC Public Health*. 12(1): p. 216.
- [13] Nam, H.t.m.h.V, 2020. *Uống rượu có ảnh hưởng đến tim mạch không?* [cited 2020 8/3]; Available from: <http://www.vnha.org.vn/100answer.asp?id=67>.

ABSTRACT

Situation of using alcohol among students at the Hanoi University of Public Health: Some implications for social work practice

Pham Tien Nam

Faculty of Social Science, Behavior and Health, Hanoi University of Public Health

Students' behavior of using alcohol is one of the current worries. This study aimed to describe the current situation of students' behavior of using alcohol at the Hanoi University of Public Health and give some implications for social work practice in solving the problem of using alcohol among students currently. The study conducted a survey of 874 students, who study bachelor's degrees at the Hanoi University of Public Health, of which the percentage of alcohol-usage among male students was 39.69% and that among female students was 22.36%. In the univariate regression model, the factors of gender and heart disease were related to alcohol among student ($p < 0.05$). The study also showed implications for social work practices such as communication activities and awareness raising; psychological counseling activities; and connecting activities in helping students.

Keyword: Behavior of using alcohol among students, social work, Hanoi University of Public Health.